

Ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả hoạt động tự học tiếng Anh tại Trường Đại học Hoa Lư

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh*, Mai Thị Thu Hân*

*ThS. Trường Đại học Hoa Lư

Received: 29/8/2024; Accepted: 4/9/2024; Published: 10/9/2024

Abstract: In the context of globalization and rapid technological advancement, learning English has become essential for individuals across society. This study examines the state and challenges of English self-study among first-year students at Hoa Lu University, particularly focusing on the integration of information technology (IT) in their learning. Despite the availability of various online tools, many students struggle with effective self-study and utilizing IT to enhance their English skills. Through surveys and interviews with students and faculty, the research identifies key factors influencing self-study practices and highlights the benefits and obstacles associated with technology use. The findings emphasize the need for targeted solutions to improve self-study effectiveness, including raising students' awareness of the importance of self-learning and IT applications. Ultimately, this study aims to develop more effective self-study strategies, promoting lifelong learning skills in a digital world.

Keywords: Self-study, Information Technology (IT)

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin (CNTT), học tiếng Anh (TA) đã trở thành nhu cầu thiết yếu cho mọi người trong xã hội. Tiếng Anh không chỉ là ngôn ngữ giao tiếp quốc tế mà còn là cầu nối văn hóa và cơ hội nghề nghiệp. Tại Việt Nam, TA được giảng dạy từ tiểu học đến đại học. Tuy nhiên, việc học không chỉ dừng lại ở lớp học; sinh viên (SV) cần khả năng tự học để nâng cao trình độ. CNTT hiện nay mở ra nhiều cơ hội tự học qua các ứng dụng và tài liệu trực tuyến. Mặc dù Trường Đại học Hoa Lư đã chú trọng ứng dụng CNTT trong dạy và học TA, việc sử dụng CNTT trong tự học của SV năm nhất vẫn chưa đạt hiệu quả như mong đợi. Bài viết này sẽ phân tích thực trạng sử dụng CNTT trong tự học TA của SV và đề xuất giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ

CNTT được định nghĩa là “tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật hiện đại để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số” (Luật CNTT Việt Nam, 2006). Theo Golonka (2014), CNTT trong dạy học ngoại ngữ có thể được chia thành nhiều loại khác nhau, phục vụ cho cả hoạt động dạy và học. Đối với hoạt động dạy, các công nghệ như hệ thống quản lý khóa học (CMS), bảng tương tác và ePortfolio đã được áp dụng, giúp GV quản lý lớp học và theo dõi sự tiến bộ của SV

một cách hiệu quả hơn. Đối với hoạt động học, các công cụ tự học, mạng xã hội, và thiết bị di động như máy tính bảng và điện thoại thông minh đã trở thành những công cụ chủ yếu giúp SV trong việc học tập. Việc sử dụng các ứng dụng học tập trực tuyến không chỉ giúp SV tiếp cận kiến thức một cách nhanh chóng mà còn tạo điều kiện cho việc tương tác và trao đổi giữa SV với nhau cũng như với GV. Thực tế này cho thấy CNTT không chỉ là một phương tiện hỗ trợ mà còn là yếu tố then chốt trong việc cải thiện chất lượng giảng dạy và học tập.

2.2. Hoạt động tự học của SV

Theo giáo sư Nguyễn Cảnh Toàn, tự học là “tự mình động não, suy nghĩ, và sử dụng các năng lực trí tuệ để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó.” Hoạt động tự học của SV không chỉ là hoàn thành bài tập mà còn bao gồm sự chủ động và tích cực trong việc lập kế hoạch học tập. N.A. Rubakin phân loại tự học thành nhiều hình thức, từ tự mày mò đến tự học có sách và có hướng dẫn trực tiếp. Giáo sư Đặng Vũ Hoạt cũng nhấn mạnh rằng tự học là hình thức tổ chức dạy học cơ bản ở đại học, giúp sinh viên nắm vững tri thức và KN.

Trong bối cảnh chuyển đổi sang học chế tín chỉ, tự học càng trở nên quan trọng. Hệ thống này yêu cầu SV tự lựa chọn môn học và lập kế hoạch học tập, khuyến khích sự chủ động và phát triển kỹ năng quản lý thời gian. Nghị quyết số 29-NQ/TW cũng khẳng định tầm quan trọng của năng lực tự học, đồng thời quy chế

43/2007/QĐ-BGD&ĐT quy định tự học là phần bắt buộc, yêu cầu SV dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân cho mỗi tín chỉ.

Hoạt động tự học của SV bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, chia thành hai nhóm: yếu tố chủ quan và khách quan. Yếu tố chủ quan bao gồm ý thức và động cơ học tập, KN lập kế hoạch, và thái độ tích cực đối với tự học. Những SV có động cơ học tập mạnh mẽ thường chủ động hơn trong tổ chức hoạt động tự học. Yếu tố khách quan như yêu cầu từ xã hội và môi trường học tập cũng tác động lớn đến tự học. Môi trường hiện đại và yêu cầu cập nhật nhanh chóng trong CNTT đòi hỏi SV tự học để đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Nội dung chương trình và PPDH cần đổi mới để khuyến khích tự học. CSVC và thiết bị học tập cũng rất quan trọng, cùng với nhận thức và năng lực của GV trong việc hướng dẫn SV. Cuối cùng, quản lý hoạt động tự học từ phía nhà trường và GV cần được chú trọng để tạo điều kiện cho SV phát triển khả năng tự học hiệu quả.

2.3. Lợi ích và hạn chế của việc sử dụng CNTT trong hoạt động tự học tiếng Anh của SV

2.3.1. Lợi ích

Công nghệ tạo ra tính tiện lợi đáng kể, cho phép SV học mọi lúc, mọi nơi chỉ với thiết bị kết nối Internet. Điều này giúp họ chủ động hơn trong việc lựa chọn hình thức và thời gian học. Ngoài ra, nguồn tài liệu trực tuyến phong phú và đa dạng giúp SV dễ dàng tiếp cận kiến thức thực tế, từ đó nâng cao khả năng nghe nói nhờ vào việc học với ngữ liệu thực tế từ người bản ngữ. Bên cạnh đó, công nghệ thúc đẩy sự tương tác giữa người học và tài liệu. SV có thể lưu trữ, xem lại và nghiên cứu tài liệu một cách dễ dàng, giúp họ ôn tập hiệu quả hơn. Những ứng dụng học tập hấp dẫn với hình ảnh, video và tài liệu tương tác không chỉ làm cho bài học trở nên sinh động mà còn tạo sự hứng thú trong việc học. Nhờ đó, quá trình tự học trở thành một trải nghiệm thú vị và phong phú. Theo nghiên cứu của Shadieva và Yang (2017), công nghệ không chỉ giúp cải thiện sự tương tác giữa người học và tài liệu mà còn thúc đẩy việc học tập theo cách thú vị và hấp dẫn hơn. Những ứng dụng học tập hấp dẫn với hình ảnh, video và tài liệu tương tác không chỉ làm cho bài học trở nên sinh động mà còn tạo sự hứng thú trong việc học.

2.3.2. Hạn chế

Tuy nhiên, việc sử dụng công nghệ cũng gặp phải một số hạn chế. Đầu tiên, sự sẵn có của thông tin trực tuyến có thể khiến nhiều SV trở nên lười biếng và phụ thuộc quá nhiều vào Internet. Họ thường tìm kiếm câu trả lời một cách nhanh chóng mà không suy nghĩ sâu, dẫn đến việc lãng phí cơ hội học hỏi và bỏ qua những

kiến thức cơ bản. Thứ hai, công nghệ có thể gây sao nhãng. Nhiều SV dễ dàng bị phân tâm bởi các trang web không liên quan, khiến họ khó tập trung vào việc học. Thiết bị di động và máy tính thường được coi là công cụ giải trí hơn là công cụ học tập, dẫn đến việc SV không tận dụng hết tiềm năng của công nghệ trong học tập. Ngoài ra, những khó khăn liên quan đến kết nối Internet và các vấn đề kỹ thuật có thể làm gián đoạn quá trình học. KN tìm kiếm và chọn lọc thông tin của sinh viên cũng chưa được tốt, khiến họ dễ bối rối trước lượng thông tin khổng lồ trên mạng và khó xác định độ tin cậy của thông tin. Cuối cùng, việc sử dụng công nghệ liên tục trong thời gian dài có thể ảnh hưởng đến thị giác của SV, tạo ra những vấn đề sức khỏe không mong muốn.

2.4. Biện pháp nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh cho SV chuyên ngành Sư phạm Văn Trường ĐH Hoa Lư

Nghiên cứu tại Trường Đại học Hoa Lư cho thấy SV năm thứ nhất khóa D16 dành thời gian cho việc tự học tiếng Anh không đồng đều. Cụ thể, 32-43% sinh viên cho biết họ chỉ dành từ 30 phút đến 1 giờ mỗi tuần cho việc tự học. Chỉ một tỷ lệ nhỏ, khoảng 15-19%, cho biết họ có thể dành trên 1 giờ mỗi tuần cho việc tự học, trong khi 3-6% sinh viên cho biết thời gian tự học của họ vượt quá 2 giờ. Những con số này cho thấy một sự thiếu hụt trong việc thực hiện yêu cầu tối thiểu cho các học phần tiếng Anh, mà theo quy định, SV cần dành ít nhất 6 giờ mỗi tuần cho việc tự học.

Về hình thức tự học, 78.4% sinh viên chọn học theo nhóm, điều này cho thấy họ có xu hướng ưa thích sự hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình học tập. Chỉ 39.2% SV cho biết họ tự học một mình, trong đó 2% chưa bao giờ tự học một mình. Tỷ lệ 12.5% SV chưa bao giờ tham gia vào các hoạt động học nhóm cho thấy rằng việc học tập hợp tác vẫn chưa được phát huy một cách tối đa. Điều này có thể do nhiều yếu tố, bao gồm cả thói quen học tập từ trước và sự thiếu tự tin trong việc sử dụng tiếng Anh.

Địa điểm tự học chủ yếu của SV là tại chỗ ở, chiếm 65.5% tổng số SV khảo sát. Chỉ 10.2% SV thường xuyên tự học tại các địa điểm như quán cà phê hoặc không gian làm việc yên tĩnh. Thư viện, nơi lý tưởng cho việc học tập, chỉ thu hút dưới 14% SV, cho thấy sự thiếu tự giác trong việc sử dụng nguồn tài liệu sẵn có tại trường. Một yếu tố quan trọng khác là phương tiện hỗ trợ tự học; 100% SV sử dụng Internet, với 83.5% cho biết họ sử dụng thường xuyên. Sách và tài liệu học tập đứng thứ hai với tỷ lệ 45.5%.

Việc sử dụng CNTT trong tự học đã trở thành một

phần không thể thiếu trong quá trình học tập của SV, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức. SV nhận thấy rằng việc học qua Internet mang lại nhiều lợi ích, như khả năng tiếp cận tài liệu phong phú và sự đa dạng trong PP học. Tuy nhiên, không ít SV than phiền về việc quá tải thông tin và khó khăn trong việc chọn lọc tài liệu hữu ích. Sự sẵn có của thông tin trực tuyến cũng có thể khiến nhiều SV trở nên lười biếng và phụ thuộc quá nhiều vào Internet. Họ thường tìm kiếm câu trả lời một cách nhanh chóng mà không suy nghĩ sâu, dẫn đến việc lãng phí cơ hội học hỏi và bỏ qua những kiến thức cơ bản. Ngoài ra, SV cũng gặp khó khăn trong việc duy trì động lực học tập. Nhiều SV cho biết họ cảm thấy đơn điệu trong quá trình tự học, thiếu sự hỗ trợ từ bạn bè và GV. Điều này dẫn đến việc họ không tận dụng được những lợi ích của việc học nhóm hay trao đổi, thảo luận với nhau. Tình trạng này không chỉ ảnh hưởng đến tinh thần học tập mà còn làm giảm chất lượng và hiệu quả của việc tự học.

2.5. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng CNTT trong tự học tiếng Anh của SV

Để nâng cao hiệu quả sử dụng công nghệ vào hoạt động tự học tiếng Anh, cần có một số giải pháp cụ thể và đồng bộ. Trước hết, nhà trường cần tổ chức các buổi hội thảo và tọa đàm nhằm nâng cao nhận thức cho SV về vai trò của tự học và công nghệ thông tin. Những hoạt động này không chỉ giúp SV hiểu rõ hơn về PP tự học hiệu quả mà còn tạo cơ hội để họ giao lưu, trao đổi kinh nghiệm học tập. Việc mời các chuyên gia trong lĩnh vực GD và CNTT tham gia chia sẻ kinh nghiệm sẽ tạo thêm động lực cho SV.

Thứ hai, cần có những chương trình đào tạo cho SV về cách sử dụng CNTT một cách hiệu quả trong việc tự học. Những khóa học ngắn hạn về kỹ năng tìm kiếm thông tin, phân tích và đánh giá độ tin cậy của nguồn tài liệu sẽ giúp SV tự tin hơn trong việc khai thác tài nguyên trực tuyến. Bên cạnh đó, việc đào tạo GV về PP hướng dẫn SV tự học cũng rất quan trọng. GV cần được trang bị KN tổ chức và quản lý hoạt động tự học, từ đó có thể hỗ trợ SV trong việc khai thác CNTT trong hoạt động tự học một cách hiệu quả.

Một giải pháp quan trọng khác là tạo ra môi trường học tập tích cực và hỗ trợ. Trường cần đầu tư vào CSVC và thiết bị học tập, đảm bảo rằng SV có thể tiếp cận tài liệu và công cụ hỗ trợ học tập một cách dễ dàng và thuận tiện. Việc này không chỉ tạo điều kiện cho SV mà còn khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động học tập một cách chủ động. Sự tổ chức và quản lý hoạt động tự học cần được thực hiện một cách bài bản, với sự hỗ trợ từ GV trong việc xây dựng kế hoạch

học tập cá nhân và thường xuyên đánh giá tiến độ học tập thông qua các bài kiểm tra, thảo luận nhóm và các hoạt động tương tác khác.

Cuối cùng, đổi mới nội dung và PP giảng dạy, đánh giá là yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả học tập, đặc biệt trong bối cảnh CNTT ngày càng nổi bật. Để khuyến khích SV ứng dụng công nghệ vào tự học, GV cần tích hợp các công cụ và tài liệu trực tuyến vào chương trình giảng dạy. Việc áp dụng PPDH kết hợp lý thuyết và thực hành, cùng với các nền tảng học tập trực tuyến, sẽ giúp sinh viên chủ động hơn trong việc tiếp thu kiến thức. Bên cạnh đó, KTĐG cũng cần đổi mới với các hình thức đa dạng như bài tập nhóm trực tuyến hay dự án nghiên cứu. Những PP này không chỉ đánh giá kiến thức mà còn khuyến khích SV sử dụng công nghệ trong quá trình tự học, phát triển KN giao tiếp và làm việc nhóm.

3. Kết luận

Thực trạng sử dụng CNTT trong việc tự học tiếng Anh của SV năm nhất khóa D16 tại Trường ĐHHL cho thấy một tín hiệu tích cực: SV không chỉ yêu thích mà còn nhận thức rõ ràng về lợi ích của CNTT trong việc nâng cao KN ngôn ngữ. Tuy nhiên, thời gian dành cho việc tự học vẫn còn hạn chế, và không ít SV gặp khó khăn trong việc áp dụng công nghệ một cách hiệu quả.

Để cải thiện tình hình, nhà trường cần chú trọng hơn đến việc quản lý hoạt động tự học ngoại ngữ, đồng thời đổi mới PP dạy học và đầu tư mạnh mẽ vào CSVC. GV cũng cần tích cực tham gia bồi dưỡng chuyên môn, hỗ trợ SV trong quá trình tự học. Ngoài ra, SV nên nâng cao ý thức tự học, chủ động sử dụng các ứng dụng CNTT, và tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa nhằm phát triển KN tiếng Anh một cách hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức (1994), *Lý luận dạy đại học*, NXBĐHSP. Hà Nội
2. Golonka, E. M., Bowles, A. R., Frank, V. M., Richardson, D. L., & Freynik, S. (2014). *Technologies for foreign language learning: A review of technology types and their effectiveness. Computer Assisted Language Learning, 27(1), 70-105.*
3. N.A Rubakin (1982), *Tự học như thế nào*, NXB Thanh niên. Hà Nội
4. Nguyễn Cảnh Toàn (1997), *Quá trình dạy - Tự học*, NXBGD. Hà Nội
6. Shadiev, R., & Yang, M. (2020). *Review of studies on technology-enhanced language learning and teaching.*